

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Lâm Minh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đàm Thanh Vũ

Bà Lê Thị Thúy Kiều

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên Tòa:**  
Ông Lý Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị T; sinh năm: 1991 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Anh N; sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/201 (BL 01), nguyên đơn chị T trình bày:

Vào năm 2012, chị T kết hôn với anh N và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Chị T và anh N có 01 con chung là cháu K (nữ); sinh ngày 10/8/2014 hiện đang sống chung với chị T. Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cự cãi do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến chị T và anh N không còn sống chung từ cuối năm 2014 cho đến nay.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu K; sinh ngày 10/8/2014 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị T giao nộp là bản sao thực Giấy chứng nhận kết hôn; bản chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, bản chứng thực Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu K.

Đối với bị đơn anh N: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh N không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh N cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/11/2021. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh N và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 06/12/2021, bị đơn N vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh N, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt đối với chị T và anh N theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh N, giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu K theo nguyện vọng của cháu K, anh N không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do không có yêu cầu; chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh N và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị T được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình). Đồng thời, bị đơn anh N có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh N đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; bản chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; bản sao Giấy khai sinh của cháu K cũng như việc không phản đối của anh N; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị T về việc kết hôn với anh N được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị T và anh N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường mâu thuẫn cãi vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện nay chị T và anh N không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó,

không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K. Như vậy, chị T và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại Biên bản về việc ghi nhận ý kiến ngày 06/12/2021 đối với cháu K thì cháu có nguyện vọng muốn sống với chị T, hơn nữa cháu K còn nhỏ cũng cần có sự chăm sóc của mẹ và chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Như vậy, chị T đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo của Tòa án cho anh N, trong thông báo thể hiện rõ yêu cầu của chị T nhưng anh N không phản đối và không có ý kiến gì. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu K cũng như yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K của chị T nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.
2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K (nữ); sinh ngày 10/8/2014 đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị T, về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị T nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu K, chị T có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh N có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001006 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã V, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Lâm Minh Tuấn**